

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/DS-ST
Ngày 05-6-2019
“*V/v tranh chấp kiện đòi nợ
tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiên Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.
2. Ông Siu Tư Lul.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về kiện đòi nợ tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970 và ông Bùi Đức B, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

(Ông B ủy quyền cho bà B tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 23/4/2019), bà B có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Đức B trình bày:

Ngày 20/12/2017 (âm lịch), ông B bà B có cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 323.000.000 đồng, thời hạn trả nợ như sau: ngày 20/4/2018 (âm lịch) bà V sẽ thanh toán 100.000.000 đồng, số tiền còn lại thanh toán cuối mùa cà phê năm 2018, bà V cam kết nếu đến ngày 20/4/2018 (âm lịch) nếu bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Từ khi vay cho đến nay, mặc dù ông B, bà B đã nhiều lần yêu cầu bà V trả nợ nhưng bà V không trả nợ như đã cam kết. Nay ông bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V phải trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc là 323.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 21/4/2018 âm lịch (ngày 03/6/2018 dương lịch) cho đến ngày 05/6/2019 (được làm tròn 12 tháng) là 9.960.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị V: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết bà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được thời điểm trở về. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà V tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ ngày thụ lý cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa là đúng và đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn là phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc là 323.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 21/4/2018 âm lịch (ngày 04/6/2018 dương lịch) cho đến ngày 05/6/2019 (được làm tròn 12 tháng) là 9.960.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho nguyên đơn là ông B và bà B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 20/12/2018, nguyên đơn ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị B nộp đơn khởi kiện tranh chấp về kiện đòi nợ tiền. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định, bị đơn có nơi tại thôn K, xã I, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn không có yêu cầu phản tố, do đó Tòa án Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Ông Bùi Đức B, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị V cùng ký kết hợp đồng với hình thức “giấy nhận nợ” là có thật. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy hẹn nợ mặt có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V trả cho nguyên đơn số tiền nợ tiền gốc nợ gốc là 323.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 21/4/2018 âm lịch (ngày 04/6/2018 dương lịch) cho đến ngày 05/6/2019 (được làm tròn 12 tháng) là 9.960.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo thỏa thuận của các bên tại giấy hẹn nợ thể hiện bị đơn là bà V có nợ của của nguyên đơn là 323.000.000 đồng, thời hạn trả nợ như sau: ngày 20/4/2018 (âm lịch) bà V sẽ thanh toán 100.000.000 đồng, số tiền còn lại thanh toán cuối mùa cà phê năm 2018, bà V cam kết nếu đến ngày 20/4/2018 âm lịch tức là ngày 03/6/2018 dương lịch, nếu bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đến hạn trả nợ nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện theo cam kết và thỏa thuận trong giấy hẹn nợ. Do bị đơn đã vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 323.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả của số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 21/4/2018 âm lịch (ngày 04/6/2018 dương lịch) cho đến ngày 05/6/2019 (được làm tròn 12 tháng) là 9.960.000 đồng. Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 323.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 21/4/2018 âm lịch (ngày 04/6/2018 dương lịch) cho đến ngày 05/6/2019 (được làm tròn 12 tháng) là 9.960.000 đồng. Tổng cộng là 332.960.000 đồng.

[5] Về án phí: Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị B.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị B.

1. Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị B 323.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả là 9.960.000 đồng, tổng cộng là 332.960.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.648.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 8.225.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007688 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2019), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ